

Ảnh hưởng của thị trường lúa gạo thế giới đến xuất khẩu lúa gạo của Việt Nam

NGUYỄN NHƯ BẰNG

NGUYỄN THỊ XUÂN HƯƠNG

Bài viết đánh giá tình hình sản xuất, thương mại gạo thế giới giai đoạn 2009-2014, dự báo nhu cầu thương mại gạo của một số quốc gia xuất nhập khẩu gạo chủ yếu trên thế giới đến năm 2019, phân tích biến động chung thị trường lúa gạo và những tồn tại trong hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam và đưa ra các giải pháp phát triển bền vững thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong những năm tới.

Từ khoá: thị trường xuất khẩu lúa gạo Việt Nam và thế giới, sản xuất lúa gạo, xuất nhập khẩu lúa gạo, cung cầu lúa gạo thế giới.

1. Tình hình sản xuất và thương mại lúa gạo thế giới

1.1. Tình hình sản xuất lúa gạo thế giới

Gạo là loại cây lương thực được trồng và tiêu thụ phổ biến ở nhiều nước trên thế giới, đặc biệt ở khu vực Châu Á như: Việt Nam,

Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Indônêxia và Thái Lan... Những năm qua, diện tích, sản lượng và thương mại gạo thế giới không có nhiều biến động. Diện tích trồng lúa tăng dưới 1% và sản lượng tăng xấp xỉ 3% từ năm 2000 đến năm 2014 (bảng 1).

BẢNG 1: Tình hình sản xuất và tiêu thụ lúa gạo trên thế giới, giai đoạn 2000-2014

Niên vụ	Diện tích (triệu ha)	Năng suất lúa (tấn/ha)	Sản lượng gạo (triệu tấn)	Tiêu dùng (triệu tấn)	Xuất khẩu (triệu tấn)
2000-2001	152,443	3,9	399,260	393,678	23,988
2001-2002	151,349	3,93	399,472	412,503	26,782
2002-2003	146,894	3,83	378,199	405,921	28,596
2003-2004	149,316	3,92	392,312	411,388	27,406
2004-2005	151,839	3,93	400,920	406,426	28,275
2005-2006	154,006	4,04	417,898	412,329	29,728
2006-2007	154,597	4,05	420,454	418,826	31,437
2007-2008	154,696	4,15	432,946	425,824	31,472
2008-2009	158,096	4,23	449,129	435,930	28,955
2009-2010	155,601	4,22	440,929	435,596	31,104
2010-2011	157,671	4,25	449,230	443,512	34,853
2011-2012	159,456	4,36	465,816	456,524	39,066
2012-2013	157,434	4,44	468,961	464,651	38,756
2013-2014	160,097	4,38	470,899	470,909	39,763

Nguồn: Trung tâm Thông tin Phát triển nông nghiệp nông thôn (AGROINFO), tổng hợp từ Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA).

Nguyễn Như Bằng, Nguyễn Thị Xuân Hương, Trường đại học Lâm nghiệp.

Số liệu bảng 1 cho thấy sản xuất và tiêu dùng lúa gạo trên thế giới khá ổn định trong 15 năm qua, tuy nhiên số liệu thương mại gạo lại cho thấy những chiều hướng biến động lớn. Lượng gạo xuất khẩu của các nước trên toàn thế giới tăng liên tục với tốc độ tăng bình quân

khoảng 4%/năm. Điều này có nguyên nhân từ việc sản xuất mang tính chất khu vực cao. 10 nước đứng đầu trong sản xuất gạo tập trung chủ yếu ở khu vực Châu Á với khối lượng sản xuất chiếm trên 85% sản lượng gạo toàn thế giới (bảng 2).

BẢNG 2: Sản lượng gạo một số nước trên thế giới giai đoạn 2009-2014

Đơn vị: triệu tấn

Quốc gia	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014
Trung Quốc	136,570	137,000	140,700	143,000	141,500
Ấn Độ	89,090	95,980	105,310	104,400	103,000
Indônêxia	36,370	35,500	36,500	36,550	37,700
Băngladét	31,000	31,700	33,700	33,820	34,400
Việt Nam	24,993	26,371	27,152	27,700	28,000
Thái Lan	20,260	20,262	20,460	20,200	20,500
Philippin	9,772	10,539	10,710	11,428	11,640
Burma	11,642	10,528	10,816	10,666	11,000
Braxin	7,929	9,300	7,888	7,990	8,200
Nhật Bản	7,711	7,720	7,646	7,756	7,720
Khác	65,592	64,330	64,934	65,451	67,239
<i>Tổng</i>	<i>440,929</i>	<i>449,230</i>	<i>465,816</i>	<i>468,961</i>	<i>470,899</i>

Nguồn: Trung tâm Thông tin Phát triển nông nghiệp nông thôn (AGROINFO), tổng hợp từ Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA).

Trong số các nước sản xuất gạo lớn nhất phải kể đến là Trung Quốc, Ấn Độ, Indônêxia, Băngladét, Việt Nam và Thái Lan. Các quốc gia này mặc dù sản xuất ra lượng lúa gạo lớn, nhưng cũng là những nước tiêu thụ lớn, điều này làm ảnh hưởng đến chiều hướng xuất khẩu lúa gạo của các nước.

1.2. Tình hình thương mại gạo thế giới

Ngoài những nước Châu Á kể trên, Mỹ,

Braxin cũng là những nước có sản lượng gạo xuất khẩu lớn trên thế giới do có nhiều ưu thế trong sản xuất nông nghiệp.

Lượng gạo xuất khẩu ở Ấn Độ, Thái Lan và Việt Nam chiếm trên 90% lượng gạo xuất khẩu của cả thế giới và trong 3 năm trở lại đây đang có xu hướng tăng nhanh nhẹ (bảng 3). Điều này là thuận lợi lớn, song cũng là những thách thức lớn cho các nước có nhiều lợi thế xuất khẩu gạo như Việt Nam.

BẢNG 3: Tình hình xuất khẩu gạo của một số nước chủ yếu trên thế giới, giai đoạn 2009-2014

Đơn vị: triệu tấn

Quốc gia	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014
Ấn Độ	2,082	2,774	10,376	10,900	10,000
Thái Lan	9,047	10,647	6,945	7,000	8,500
Việt Nam	6,734	7,000	7,717	7,200	6,481
Mỹ	3,516	3,515	3,199	3,400	3,186
Pakistan	4,000	3,385	3,456	3,000	3,000
Campuchia	0,750	0,860	0,800	0,975	1,000
Braxin	0,502	1,479	0,953	0,700	0,950
Uruguay	0,711	0,966	0,971	0,875	0,900
Ả Rập	0,705	0,200	0,600	0,850	0,850
Khác	3,057	4,027	4,049	3,856	3,877
<i>Tổng</i>	<i>31,104</i>	<i>34,853</i>	<i>39,066</i>	<i>38,756</i>	<i>38,744</i>

Nguồn: Trung tâm Thông tin Phát triển nông nghiệp nông thôn (AGROINFO), tổng hợp từ Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA).

Trái ngược với thực trạng nguồn xuất khẩu gạo khá tập trung thì đầu ra cho xuất khẩu lại tương đối phân tán. Theo thống kê, trong khi nhóm các nước xuất

khẩu gạo đứng đầu thế giới có lượng xuất khẩu chiếm 90% tổng số thì nhóm các nước nhập khẩu chỉ chiếm xấp xỉ 40% tổng số (bảng 4).

BẢNG 4: Tình hình nhập khẩu gạo một số nước chủ yếu trên thế giới, giai đoạn 2009-2014

Đơn vị: triệu tấn

Quốc gia	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014
Trung Quốc	0,388	0,540	1,790	3,100	3,400
Nigeria	1,750	2,400	3,200	2,900	3,000
I Ran	1,300	1,950	1,500	1,900	1,650
Indonêxia	1,150	3,098	1,960	1,000	1,500
I Rắc	1,060	1,217	1,241	1,450	1,400
Châu Âu	1,336	1,408	1,301	1,394	1,350
Bờ Biển Ngà	0,900	0,850	1,400	1,300	1,250
Ả Rập	1,069	1,059	1,193	1,225	1,250
Philippin	2,200	1,300	1,200	1,400	1,200
Khác	19,951	21,031	24,281	23,087	22,744
<i>Tổng</i>	<i>31,104</i>	<i>34,853</i>	<i>39,066</i>	<i>38,756</i>	<i>38,744</i>

Nguồn: Trung tâm Thông tin Phát triển nông nghiệp nông thôn (AGROINFO), tổng hợp từ Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA).

Thị trường nhập khẩu phân tán đòi hỏi các nước xuất khẩu phải xây dựng các kế hoạch xuất khẩu đa dạng nhằm gia tăng sản lượng, đồng thời tránh rủi ro do phân khúc thị

trường hẹp. Trong số các thị trường nhập khẩu lớn, phần nhiều vẫn là các nước Châu Á. Đây sẽ là phân khúc thị trường lớn, song sức cạnh tranh cũng rất mạnh do nguồn xuất

khẩu cũng chủ yếu từ khu vực này, trong đó có những đối thủ rất lớn như Ấn Độ, Thái Lan.

2. Tình hình sản xuất và thương mại lúa gạo Việt Nam

2.1. Tình hình sản xuất và tiêu dùng gạo của Việt Nam

Trong những năm qua, Việt Nam không ngừng mở rộng diện tích và cải tiến kỹ thuật canh tác đã làm gia tăng đáng kể sản lượng lúa gạo sản xuất, đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu. Niên vụ 2012-2013, diện

tích trồng lúa của nước ta đạt 7.862 nghìn ha, tăng 1,58% so với niên vụ 2011-2013. Ngoài việc duy trì và không ngừng mở rộng diện tích lúa hiện có, việc sử dụng các biện pháp thâm canh cây lúa làm cho sản lượng lúa sản xuất cũng không ngừng gia tăng. Theo số liệu thống kê, niên vụ 2012-2013 năng suất lúa bình quân nước ta đạt 56,4 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha so với niên vụ 2011-2012. Niên vụ 2013-2014, sản lượng quy gạo đạt 28 triệu tấn (bảng 5).

BẢNG 5: Tình hình sản xuất và tiêu dùng gạo của Việt Nam, giai đoạn 2009-2014

Đơn vị: triệu tấn

	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014
Sản xuất	24,933	26,371	27,152	27,700	28,000
Tiêu dùng	19,150	19,400	19,650	20,100	20,500

Nguồn: Trung tâm Thông tin Phát triển nông nghiệp nông thôn (AGROINFO), tổng hợp từ Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA).

Những năm qua, sản lượng gạo sản xuất của Việt Nam luôn vượt xa nhu cầu tiêu dùng và dự trữ trong nước, do vậy đẩy mạnh xuất khẩu gạo là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của ngành nông nghiệp.

2.2. Tình hình thương mại gạo Việt Nam

Nhờ những ưu thế trong sản xuất lúa gạo, Việt Nam hiện là một trong 3 nước dẫn đầu về xuất khẩu gạo trên thế giới bên cạnh Ấn Độ và Thái Lan. Theo Cục Xúc tiến

thương mại, 5 năm qua sản lượng và giá trị xuất khẩu gạo của Việt Nam đều có chiều hướng giảm mạnh. Sản lượng gạo xuất khẩu niên vụ 2013-2014 đạt chưa đầy 6,5 triệu tấn, giảm 10% so với niên vụ 2012-2013 và 15% so với kỷ lục xuất khẩu gạo đạt được trong niên vụ 2011-2012 (7,7 triệu tấn). Không chỉ khối lượng xuất khẩu sụt giảm, kim ngạch xuất khẩu gạo niên vụ 2013-2014 chỉ đạt mức 2,93 tỷ USD, giảm 15% so với kim ngạch xuất khẩu niên vụ 2012-2013 (bảng 6).

BẢNG 6: Khối lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo Việt Nam, giai đoạn 2009-2014

2009-2010		2010-2011		2011-2012		2012-2013		2013-2014	
Khối lượng (triệu tấn)	Giá trị (tỷ USD)	Khối lượng (triệu tấn)	Giá trị (tỷ USD)	Khối lượng (triệu tấn)	Giá trị (tỷ USD)	Khối lượng (triệu tấn)	Giá trị (tỷ USD)	Khối lượng (triệu tấn)	Giá trị (tỷ USD)
6,734	2,464	7,000	3,500	7,700	3,650	7,200	3,450	6,481	2,930

Nguồn: Cục Xúc tiến thương mại Việt Nam.

Mặc dù thương mại lúa gạo thế giới có chiều hướng tăng ổn định nhưng xuất khẩu gạo của Việt Nam lại sụt giảm. Nguyên nhân tình trạng này, một mặt, do sự cạnh tranh mạnh mẽ nguồn gạo xuất khẩu từ Ấn Độ và

Thái Lan, mặt khác, do sự sụt giảm của các thị trường xuất khẩu gạo truyền thống của Việt Nam như Philippin, Indônêxia và Malaixia. Thậm chí, theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, xuất khẩu gạo của Việt

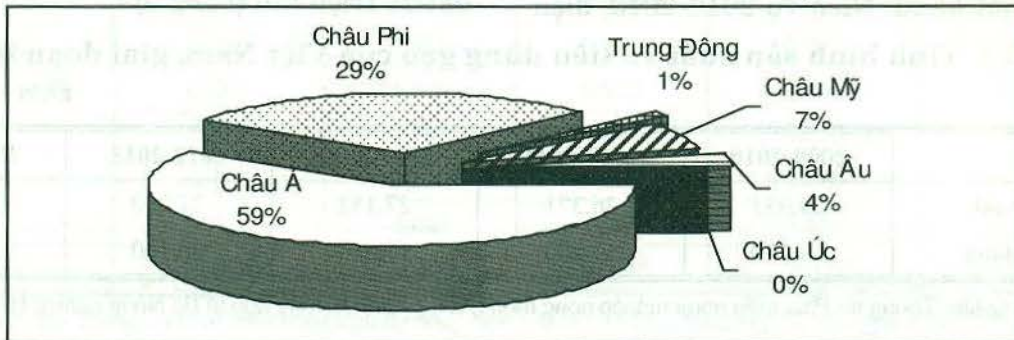
Nam sang các thị trường này còn tiếp tục bị thu hẹp.

Trung Quốc là thị trường nhập khẩu gạo hàng đầu của Việt Nam với lượng nhập khẩu hàng năm khoảng 2 triệu tấn. Trong điều kiện biến động lớn về chính sách thương mại nông sản giữa Việt Nam và Trung Quốc hiện nay, việc giữ được thị trường này, đồng thời có được sức cạnh tranh mạnh cả về giá và

lượng với các cường quốc xuất khẩu lúa gạo trong khu vực như Thái Lan, Ấn Độ, Pakixtan là điều khó dự báo.

Một trong những tồn tại lớn trong xuất khẩu gạo hiện nay của Việt Nam là các phân khúc hẹp. Hiện gần 60% lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam sang các nước khu vực Châu Á, hơn 28% cho thị trường Châu Phi và khoảng 10% cho các thị trường khác (hình 1).

HÌNH 1: Phân khúc thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam năm 2013



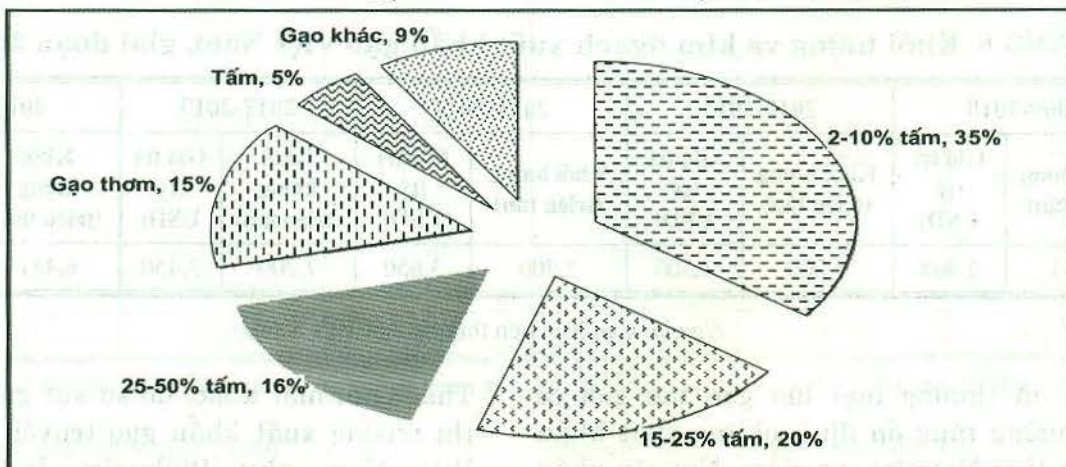
Nguồn: Trung tâm Thông tin Phát triển nông nghiệp nông thôn (AGROINFO), tổng hợp số liệu Hiệp hội Lương thực Việt Nam.

Với phân khúc thị trường xuất khẩu gạo như hiện nay, một mặt, chúng ta không có nhiều cơ hội tiếp cận các thị trường xa hơn để gia tăng lượng xuất khẩu, mặt khác, không thực hiện được nguyên tắc “không bỏ trứng vào một giỏ” để tránh rủi ro.

Một tồn tại nữa trong mặt hàng gạo xuất

khẩu của Việt Nam là vấn đề chất lượng gạo. Đây là nguyên nhân chính làm cho giá gạo xuất khẩu của Việt Nam kém xa các đối thủ cạnh tranh trong khu vực như Thái Lan. Niên vụ 2010-2011, giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam đạt ngưỡng 500 USD/tấn. Niên vụ 2013-2014 mức giá bình quân chỉ đạt 452 USD/tấn.

HÌNH 2: Cơ cấu gạo xuất khẩu của Việt Nam năm 2013



Nguồn: Trung tâm Thông tin Phát triển nông nghiệp nông thôn (AGROINFO), tổng hợp số liệu Hiệp hội Lương thực Việt Nam.

3. Những gợi ý chính sách cho phát triển bền vững thị trường gạo xuất khẩu Việt Nam

Báo cáo nghiên cứu của Viện Nghiên cứu chính sách lương thực và nông nghiệp, đại học Missouri, Côlômbia cho thấy trong

5 năm tới đây nhu cầu thương mại gạo thế giới vẫn rất lớn. Các nước có nhu cầu nhập khẩu lớn vẫn là Philippin, Malaixia và I Rắc. Các nước có nhiều tiềm năng xuất khẩu lớn là Ấn Độ, Thái Lan, Việt Nam và Mỹ (bảng 7).

BẢNG 7: Dự báo nhu cầu gạo một số nước trên thế giới, giai đoạn 2014-2019

Đơn vị: triệu tấn

	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
Mỹ					
Cung (1)	7,804	8,098	8260	8,253	8,254
Cầu (2)	5,502	5,576	5,668	5,744	5,810
Chênh lệch (1)-(2)	2,302	2,522	2,592	2,509	2,444
Braxin					
Cung (1)	9,528	9,622	9,721	9,802	9,901
Cầu (2)	10,368	10,504	10,650	10,773	10,857
Chênh lệch (1)-(2)	-0,840	-0,882	-0,929	-0,971	-0,956
Trung Quốc					
Cung (1)	175,771	171,380	167,309	163,183	159,881
Cầu (2)	175,115	170,718	166,669	162,572	159,298
Chênh lệch (1)-(2)	0,656	0,662	0,640	0,611	0,583
Ấn Độ					
Cung (1)	119,504	121,185	122,821	124,793	125,983
Cầu (2)	115,758	117,502	118,984	120,576	121,573
Chênh lệch (1)-(2)	3,746	3,683	3,837	4,217	4,410
I Rắc					
Cung (1)	0,468	0,487	0,505	0,520	0,532
Cầu (2)	1,816	1,861	1,907	1,953	2,005
Chênh lệch (1)-(2)	-1,348	-1,374	-1,402	-1,433	-1,473
Malaixia					
Cung (1)	2,080	2,105	2,141	2,179	2,216
Cầu (2)	2,905	2,967	3,022	3,073	3,106
Chênh lệch (1)-(2)	-0,825	-0,862	-0,881	-0,894	-0,890
Philippin					
Cung (1)	15,794	15,963	16,049	16,129	16,273
Cầu (2)	18,557	18,683	18,936	19,149	19,314
Chênh lệch (1)-(2)	-2,763	-2,720	-2,887	-3,020	-3,041
Thái Lan					
Cung (1)	23,615	23,718	23,836	24,034	24,405
Cầu (2)	12,356	12,244	12,231	12,375	12,556
Chênh lệch (1)-(2)	11,259	11,474	11,605	11,659	11,849
Việt Nam					
Cung (1)	27,827	27,816	28,148	28,424	28,952
Cầu (2)	21,570	21,664	21,885	22,127	22,310
Chênh lệch (1)-(2)	6,257	6,152	6,263	6,297	6,642

Nguồn: Học viện Nghiên cứu chính sách nông nghiệp và lương thực (FAPRI), Đại học Missouri, Côlômbia.

Để phát triển bền vững thị trường gạo xuất khẩu trong thời gian tới, ngành sản xuất lúa gạo Việt Nam cần chú trọng giải quyết các vấn đề sau:

- Tăng cường đầu tư kỹ thuật, công nghệ nâng cao chất lượng gạo xuất khẩu để chiếm lĩnh các thị trường mới khó tính như thị trường Châu Âu, nâng giá trị gạo xuất khẩu, tránh tình trạng giá gạo trong nước cao hơn giá gạo xuất khẩu như hiện nay.

- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, duy trì và giữ ổn định các thị trường truyền thống ở khu vực Châu Á và Châu Phi; tích cực tìm kiếm đối tác ở các thị trường mới như thị trường Châu Âu và khu vực Trung Đông.

- Hoàn thiện hơn chính sách thu mua tạm trữ lúa gạo như vấn đề thời điểm thu mua, khối lượng thu mua, vấn đề hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp thu mua và nên tính đến chính sách hỗ trợ lãi suất hay chính sách tín dụng trực tiếp cho người nông dân trồng lúa để nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra, nâng cao đời sống cho người nông dân để họ yên tâm sản xuất.

- Tăng cường mối liên kết giữa doanh nghiệp xuất khẩu gạo và người nông dân theo hướng tiến tới người dân gieo trồng lúa theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp; các doanh nghiệp được phép chủ động ký hợp đồng xuất khẩu gạo trực tiếp với đối tác, tiến tới bãi bỏ thủ tục đăng ký xuất khẩu gạo và giá xuất khẩu tối thiểu như quy định hiện nay trong nghị định 109/2010/NĐ-CP ngày 4-11-2010 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo để tăng tính chủ động, sáng tạo của các doanh nghiệp trong ngành./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính Phủ (2010), Nghị định 109/2010/ NĐ- CP ngày 4-11-2010 về kinh doanh xuất khẩu gạo.
2. Nguyễn Thị Trúc Phương (2014), Bàn về chính sách thu mua tạm trữ thóc gạo xuất khẩu, *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, số 6, tháng 8.
3. AGROINFO, Viện Chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.
4. FAPRI, Báo cáo đánh giá nhu cầu gạo thế giới 2014-2019, Đại học Missouri- Còlômbia.
5. <http://www.vietrade.gov.vn/go/3475-xut-nhp-khu-go-vit-nam-mua-v-201314-va-mt-s-d-bao.html>.